

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày 04 – 4 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Chí Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1996 tại Cà Mau; Nơi cư trú: ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị O; Vợ: Nguyễn Mộng C và 01 người con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị khởi tố cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/01/2025. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Lương Kim C1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

- Bà Lương Diễm C2, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Võ Văn T, sinh năm 1953 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 01/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn L từ nhà ở ấp R, xã R, huyện P điều khiển vô composite hiệu Trọng Sĩ dài 5,4m, máy Honda 13 HP chạy theo các tuyến sông để bắt ba khía. Đến khoảng 02 giờ ngày 02/01/2025, khi đến đoạn sông thuộc ấp T, xã T, huyện P thì bị cáo nhìn thấy nhà của bà Lương Diễm C2 đang mở đèn sáng nên nảy sinh ý định vào nhà để lấy trộm tài sản. Lúc này, bị cáo đậu vô máy dưới bến sông rồi đi vào nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax đang cắm sạc pin để trên kệ gỗ bỏ vào túi quần; bị cáo tìm và lấy 3.000.000 đồng trong túi vải và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng treo trên cây đinh ở vách nhà bỏ vào túi quần rồi đi về nhà, trên đường đi bị cáo tháo sim điện thoại ném xuống sông bỏ. Sau khi phát hiện mất tài sản, bà Lương Diễm C2 đến Công an xã T trình báo vụ việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 10/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 sợi dây chuyền loại vàng 61% trọng lượng 0,71 chỉ, hạt có trọng lượng 09 ly có giá trị 4.212.700 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold có giá trị 10.181.300 đồng; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu nâu có giá trị 50.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 14/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 sim Vinaphone có giá trị 300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản trộm cắp không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra bị hại bà Lương Diễm C2 trình bày: Vào ngày 02/01/2025 bà bị mất tài sản gồm 01 sợi dây chuyền loại vàng 18K trọng lượng 0,71 chỉ, hạt có

trọng lượng 09 ly và số tiền 3.000.000 đồng. Hiện bà đã nhận lại tất cả các tài sản bị mất nên không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra bị hại bà Lương Kim C1 trình bày: Vào ngày 02/01/2025 bà bị mất 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu nâu và 01 sim Vinaphone. Hiện bà đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Ông Võ Văn T trình bày: Ông là ông ngoại của bị cáo. Phương tiện vô composite hiệu Trọng Sĩ dài 5,4m, máy Honda 13 HP bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là do ông cho bị cáo mượn để hàng ngày đi bắt ba khía. Còn việc bị cáo sử dụng phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông không biết. Hiện ông đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng với vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ được, lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa cụ thể như sau: Vào ngày 02/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn L có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold của bà Lương Kim C1; số tiền 3.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng loại 61% của bà Lương Diễm C2. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị 17.744.000 đồng.

[3] Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và đã đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả do mình gây ra. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1

Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành đủ sức khỏe lao động kiếm tiền hợp pháp để tiêu xài nhưng do bản tính tham lam, lười lao động muốn hưởng thụ trên công sức của người khác nên chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã khắc phục bồi thường toàn bộ tài sản cho các bị hại. Ngoài ra, bị hại Lương Diễm C2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và ông ngoại bị cáo ông Võ Văn T là người có công với cách mạng. Hơn nữa, bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện đang nuôi con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo, sửa chữa thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lương Kim C1 và bà Lương Diễm C2 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Đối với vỏ composite hiệu Trọng Sĩ dài 5,4m, máy Honda 13 HP của ông Võ Văn T, bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp tài sản. Việc bị cáo sử dụng phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ông T không biết, hiện ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[9] Xét thấy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nên xét đề nghị của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu gồm:

- Trả lại cho bị cáo: 01 áo khoác dài tay màu vàng, 01 quần dài sọc rằn ri, 01 áo thun cụt tay màu đen, 01 quần sọt kaki màu xanh; 01 nón kết hiệu GUCCI.

- Trả lại cho bị hại Lương Diễm C2: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 0,71 chỉ và hột có trọng lượng 9 ly.

- Trả lại cho bị hại Lương Kim C1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold có gắn ốp lưng bằng nhựa màu nâu.

- Trả lại cho ông Võ Văn T: 01 vỏ composite hiệu Trọng Sỹ dài 5,4m; 01 máy honda 15.0 HP.

Việc Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh C nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Công an xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã R và Công an xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như